

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày tháng 03 năm 2024

**BẢN TIN PHÁP LUẬT**  
**(Tuần 11)**

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

**I. Chính sách mới nổi bật có hiệu lực từ giữa tháng 03/2024**

**1. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan từ ngày 15/3/2024**

Ngày 29/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 06/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2019/TT-BTC quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Theo đó, việc đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan từ ngày 15/3/2024 sẽ được dựa trên các tiêu chí sau đây:

- Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp ưu tiên (Mức 1) thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức rất cao (Mức 2) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức rất cao (Mức 2) quy định tại Phần V Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC.

- Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức cao (Mức 3) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức cao (Mức 3) quy định tại Phần V Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC.

- Tiêu chí đánh giá người khai hải quan tuân thủ mức trung bình (Mức 4) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tuân thủ mức trung bình (Mức 4) quy định tại Phần V Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC.

- Tiêu chí đánh giá người khai hải quan không tuân thủ (Mức 5) quy định tại Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV và tiêu chí đánh giá doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi không tuân thủ (Mức 5) quy định tại Phần V Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC.

*Xem chi tiết tại Thông tư 06/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/03/2024.*

*Nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư 06/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/7/2025.*

## **2. Quy định về hồ sơ, sổ theo dõi quản lý thuốc methadone từ ngày 15/3/2024**

Đây là nội dung được đề cập tại Thông tư 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 hướng dẫn quản lý thuốc methadone do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Cụ thể, hồ sơ, sổ theo dõi quản lý thuốc methadone sẽ thực hiện như sau:

- Đối với cơ sở điều trị thay thế:

(i) Đơn thuốc methadone theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 04/2022/TT-BYT;

(ii) Sổ theo dõi kho thuốc theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 20/2017/TT-BYT;

(iii) Sổ theo dõi giao, nhận thuốc methadone hằng ngày theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT;

(iv) Sổ theo dõi phát thuốc methadone hằng ngày theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT;

(v) Phiếu theo dõi điều trị bằng thuốc methadone theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT;

(vi) Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT.

- Đối với cơ sở cấp phát thuốc:

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone dành cho cơ sở cấp phát thuốc theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT;

+ Lập và ghi chép các hồ sơ, sổ sách theo quy định tại (ii), (iii), (iv) và (v).

*Thông tư 26/2023/TT-BYT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2024.*

## **3. Các trường hợp thu hồi GCN đăng kiểm viên đường thủy nội địa thực hiện công tác kiểm tra**

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 02/2024/TT-BGTVT ngày 02/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa. Theo đó, đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

- Làm sai lệch kết quả đăng kiểm phương tiện hoặc không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện mà gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

- Làm giả các hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

- Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

*Xem chi tiết tại Thông tư 02/2024/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2024.*

#### **4. Các loại hình kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**

Ngày 26/01/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 01/2024/TT-BGTVT kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường giao thông đường sắt. Cụ thể, sẽ có 04 loại hình kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường gồm:

- Kiểm tra sản xuất, lắp ráp.
- Kiểm tra nhập khẩu.
- Kiểm tra hoán cải.
- Kiểm tra định kỳ.

*Xem chi tiết tại Thông tư 01/2024/TT-BGTVT có hiệu lực từ ngày 15/3/2024.*

## **II. Những chính sách mới ban hành**

### **1. Danh mục văn bản pháp luật còn hiệu lực thuộc quản lý của Bộ Công an về an ninh quốc gia**

Ngày 01/02/2024, Bộ Công an đã ban hành Quyết định 721/QĐ-BCA công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an kỳ 2019-2023. Theo đó, tại Quyết định 721/QĐ-BCA năm 2024 Bộ Công an đã công bố kết quả hệ thống hóa văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Trong đó tại Mục II danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an ban hành kèm theo Quyết định 721/QĐ-BCA năm 2024 có quy định về các văn bản còn hiệu lực trong công tác an ninh quốc gia. Cụ thể như sau:

Trong công tác quản lý nhà nước an ninh quốc gia hiện tại thì có 16 văn bản pháp luật còn hiệu lực thi hành gồm có: 01 Luật, 06 Nghị định, 04 Thông tư liên tịch, 05 Thông tư, như sau:

- Luật An ninh quốc gia 2004 được ban hành ngày 03/12/2004 và có hiệu lực ngày 01/7/2005.

- Nghị định 16/2006/NĐ-CP quy định về khôi phục danh dự, đền bù, trợ cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do tham gia bảo vệ an ninh quốc gia được ban hành ngày 25/01/2006 và có hiệu lực 22/02/2006.

- Nghị định 37/2009/NĐ-CP quy định mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học – kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan được ban hành ngày 23/4/2009 và có hiệu lực 08/6/2009.

- Nghị định 35/2011/NĐ-CP về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được ban hành ngày 18/5/2011 và có hiệu lực 10/7/2011.

- Nghị định 06/2014/NĐ-CP về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được ban hành ngày 21/01/2014 và có hiệu lực 08/3/2014.

- Nghị định 39/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan được ban hành ngày 30/3/2021 và có hiệu lực 15/5/2021.

- Thông tư liên bộ 14/TTLB về công tác bảo vệ an ninh và tài sản Nhà nước do ngành Ngân hàng quản lý và bảo quản được ban hành ngày 04/11/1992 và có hiệu lực 04/11/1992.

- Thông tư liên tịch 03/2002/TTLT-BXD-BCA về phối hợp công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn của các cơ quan, đơn vị của Bộ Xây dựng được ban hành ngày 30/5/2002 và có hiệu lực 14/6/2002.

- Thông tư liên tịch 02/2016/TTLT-BVHTTDL-BCA hướng dẫn phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch được ban hành ngày 04/5/2016 và có hiệu lực 25/6/2016.

- Thông tư liên tịch 85/2016/TTLT-BTC-BCA quy định về phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực tài chính được ban hành ngày 20/6/2016 và có hiệu lực 05/8/2016.

- Thông tư 20/2010/TT-BCA quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 37/2009/NĐ-CP quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan được ban hành ngày 23/6/2010 và có hiệu lực 09/8/2010.

Lưu ý: Văn bản này hết hiệu lực một phần:

- Thông tư 01/2011/TT-BCA quy định về hoạt động vũ trang canh gác bảo vệ mục tiêu của lực lượng Cảnh sát bảo vệ được ban hành ngày 18/01/2011 và có hiệu lực 08/3/2011.

- Thông tư 51/2011/TT-BCA quy định các mục tiêu thuộc Bộ Công an do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ được ban hành ngày 20/7/2011 và có hiệu lực 05/9/2011.

Lưu ý: Văn bản này còn hiệu lực đến ngày 01/01/2024:

- Thông tư 28/2022/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 20/2010/TT-BCA quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 37/2009/NĐ-CP quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan được ban hành ngày 15/7/2022 và có hiệu lực 01/10/2022.

- Thông tư 18/2023/TT-BCA quy định mẫu, quản lý và sử dụng thẻ An ninh trên không được ban hành ngày 24/5/2023 và có hiệu lực 08/7/2023.

*Chi tiết xem thêm tại Quyết định 721/QĐ-BCA ban hành ngày 01/02/2024.*

## **2. Bản ghi nhớ về thân nhân thành viên cơ quan đại diện ngoại giao làm việc có thu nhập giữa Việt Nam và Úc**

Ngày 01/3/2024, Chính Phủ ban hành Nghị quyết 27/NQ-CP về việc đàm phán, ký bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ô-xtrây-li-a về việc thân nhân thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự làm việc có thu nhập. Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Ô-xtrây-li-a (sau đây gọi là các Bên),

Với mong muốn tạo thuận lợi cho việc cư trú của thân nhân của thành viên các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự,

Đã thỏa thuận một số nội dung đơn cử như sau:

Thủ tục thông báo tại Ô-xtrây-li-a

- Tại Ô-xtrây-li-a, khi thân nhân thành viên Cơ quan đại diện của Việt Nam muốn làm việc có thu nhập, Cơ quan đại diện liên quan của Việt Nam sẽ thay mặt thân nhân thành viên đó gửi Bộ Ngoại giao và Thương mại Ô-xtrây-li-a “Thông báo về ý định” thông qua thư điện tử. Bản “Thông báo về ý định” tiêu chuẩn được đính kèm tại Phụ lục A.

- Thân nhân thành viên sẽ

+ Nộp thuế thu nhập được áp dụng tại Bên tiếp nhận đối với thu nhập phát sinh từ công việc của họ;

+ Tiếp tục sống cùng hộ gia đình với thành viên cơ quan đại diện;

+ Thừa nhận rằng quyền miễn trừ của họ có thể bị từ bỏ trong trường hợp cần thiết liên quan đến việc lao động của họ.

- Nếu thân nhân thành viên là học sinh/sinh viên, họ chỉ được làm việc trong thời gian giới hạn, không quá 40 tiếng trong hai tuần.

- Khi thân nhân thành viên được Bên cử thay mặt cung cấp bản “Thông báo về ý định” để làm việc có thu nhập theo Bản ghi nhớ này mong muốn làm các công việc có thu nhập khác, các thủ tục thông báo được quy định theo Điều này sẽ được tuân thủ tương tự.

Thủ tục cho phép tại Việt Nam

- Tại Việt Nam, khi thân nhân thành viên Cơ quan đại diện của Ô-xtrây-li-a muốn làm việc có thu nhập, cơ quan đại diện liên quan của Ô-xtrây-li-a sẽ thay mặt thân nhân đó gửi “Thông báo về ý định” qua hình thức Công hàm tới Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Công hàm này sẽ cung cấp thông tin chứng minh rằng người yêu cầu cấp phép là thân nhân thành viên và có bản giải thích ngắn về loại công việc mà thân nhân thành viên dự định thực hiện.

Bộ Ngoại giao Việt Nam sẽ thông báo cơ quan đại diện liên quan của Ô-xtrây-li-a, bằng văn bản và trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được Công hàm về việc thân nhân thành viên đó được phép làm việc có thu nhập.

- Thân nhân thành viên sẽ:

+ Nộp thuế thu nhập được áp dụng tại Bên tiếp nhận đối với thu nhập phát sinh từ công việc của họ;

+ Tiếp tục sống cùng hộ gia đình với thành viên cơ quan đại diện;

+ Thừa nhận rằng quyền miễn trừ của họ có thể bị từ bỏ trong trường hợp cần thiết liên quan đến việc lao động của họ.

- Thân nhân thành viên, được phép làm việc có thu nhập theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, được miễn giấy phép lao động (không thuộc diện cấp giấy phép lao động).

- Nếu thân nhân thành viên là học sinh/sinh viên, họ chỉ được làm việc không quá 40 tiếng trong hai tuần.

- Khi thân nhân thành viên được Bên cử thay mặt đã gửi “Thông báo về ý định” làm việc có thu nhập theo Bản ghi nhớ mong muốn làm các công việc có thu nhập khác, các thủ tục cho phép theo quy định này sẽ được áp dụng tương tự.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 27/NQ-CP có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.*

### **3. Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến 2030, tầm nhìn đến 2050**

Ngày 29/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 208/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, mục tiêu cụ thể của Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

- Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn.

Phấn đấu sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác trong nước đáp ứng tối thiểu 80% vào năm 2030 và 100% vào năm 2050 nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ.

- Giá trị lâm sản ngoài gỗ, được liệu được chế biến tăng gấp 1,5 lần so với năm 2020 vào năm 2030 và tăng gấp 2,0 lần vào năm 2050;

Giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ, được liệu được sản xuất dưới tán rừng chiếm tỷ trọng từ 10 -15% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050 trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu lâm sản.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững; đến năm 2030 giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được gia tăng từ 20% trở lên ngoài giá trị gỗ rừng trồng.

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở cụ thể hóa, mở rộng các loại dịch vụ môi trường rừng; đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn từ dịch vụ môi trường rừng;

Triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh;

Phấn đấu đảm bảo nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định, bình quân 5%/năm.

- Phát triển các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác các giá trị về tài nguyên thiên nhiên, truyền thống văn hóa, tri thức bản địa; mở rộng các loại hình du lịch.

Phân đầu nguồn thu từ hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tăng 50% so với năm 2020 vào năm 2030 và 100% vào năm 2050.

- Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; duy trì ổn định và phát triển diện tích rừng đặc dụng đến năm 2030 tăng từ 10% đến 15% so với năm 2020;

Xây dựng được Kế hoạch hành động bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.

- Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%;

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên vào năm 2030 và 70% vào năm 2050.

*Xem chi tiết tại Quyết định 208/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 29/02/2024.*

#### **4. Công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực bảo trợ xã hội**

Ngày 29/02/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định 208/QĐ-LĐTBXH công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Theo đó, công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội sau đây:

- Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.

- Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

Hồ sơ xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật

Trong đó, hồ sơ xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật như sau:

- Đối với trường hợp xác định khuyết tật:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 ban hành kèm Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH).

+ Bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật hoặc các giấy tờ liên quan khác.

+ Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày 01/6/2012.

- Đối với trường hợp xác định lại khuyết tật:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 ban hành kèm Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH).

+ Bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật, Giấy xác nhận khuyết tật cũ hoặc các giấy tờ liên quan khác.

Hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật

Hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật là đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH).

*Xem chi tiết tại Quyết định 208/QĐ-LĐTBXH có hiệu lực từ ngày 29/02/2024.*

### **5. Hướng dẫn xác định kinh phí tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức**

Ngày 23/02/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 13/2024/TT-BTC hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế. Theo đó, nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Nghị định 29/2023/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã như sau:

(1) Đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù (trong trường hợp quy định về cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù đã bao gồm kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế): Sử dụng từ nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định 29/2023/NĐ-CP.

(2) Đối với các cơ quan, đơn vị không thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù; các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù nhưng trong cơ chế đặc thù không có quy định về chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

- Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm (ngoài phần kinh phí ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện chính sách tinh giản biên chế quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định 29/2023/NĐ-CP) để chi trả các chế độ sau:

+ Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định 29/2023/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho những người trong diện tinh giản biên chế trong độ tuổi quy định có nguyện vọng đi học nghề trước khi giải quyết thôi việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 29/2023/NĐ-CP;

+ Tiếp tục trả nguyên tiền lương hiện hưởng trong thời gian đi học nghề và trợ cấp khoản kinh phí học nghề cho đối tượng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định 29/2023/NĐ-CP;

- Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí để thực hiện các chế độ còn lại (ngoài chế độ tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư 13/2024/TT-BTC) tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định 29/2023/NĐ-CP theo nguyên tắc:

+ Đối với đối tượng cán bộ, công chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ thuộc, trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương) thì ngân sách trung ương đảm bảo bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho các bộ, cơ quan trung ương;

+ Đối với các đối tượng cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp huyện, xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 8 và khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định 29/2023/NĐ-CP), người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ thuộc, trực thuộc các đơn vị do địa phương quản lý thì ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

*Xem chi tiết tại Thông tư 13/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/4/2024 và thay thế Thông tư 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019, Thông tư 117/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021.*

## **6. Đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững trong tình hình mới**

Ngày 02/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 10/CT-TTg về việc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững, minh bạch, hiệu quả trong tình hình mới. Theo đó, để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa gạo lành mạnh, minh bạch, phản ứng linh hoạt, kịp thời trong tình hình thị trường có nhiều biến động, hướng đến phát triển ngành lúa gạo bền vững, hiệu quả cao, nâng cao thu nhập cho người trồng lúa, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức thu hoạch lúa vụ Đông Xuân theo đúng thời vụ, giảm thiểu đến mức thấp nhất tổn thất sau thu hoạch; kịp thời chỉ đạo tổ chức sản xuất vụ Hè Thu;

Chủ trì, phối hợp với các địa phương, hiệp hội ngành hàng theo dõi sát tình hình, kịp thời cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về diễn biến thị trường lúa gạo để người dân, doanh nghiệp có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, đảm bảo nguồn cung phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, ổn định giá cả thị trường.

- Tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

- Chỉ đạo đẩy nhanh việc xây dựng, nhân rộng các mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người dân và doanh nghiệp;

Phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai có hiệu quả Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 16/6/2022; Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020.

- Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triển khai các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cho các hợp tác xã nông nghiệp trong việc tổ chức sản xuất, cung ứng các dịch vụ đầu vào, tiêu thụ lúa, gạo;

Đẩy mạnh tập huấn trang bị kiến thức cho nông dân về thị trường, kinh doanh nông nghiệp, chuyển đổi tư duy, áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp;

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất lúa gạo, nhất là giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc thiết bị.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Công điện 13/CĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kết nối logistics thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông lâm thủy sản.

- Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường gạo khu vực và thế giới; đẩy mạnh đàm phán, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật để mở rộng thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam.

*Xem chi tiết tại Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 02/3/2024.*

## **7. Bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025**

Ngày 01/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 211/QĐ-TTg sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 – 2025. Theo đó, bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định 211/QĐ-TTg như sau:

(1) Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên.

(2) Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025, đơn cử như:

- Tiêu chí quy hoạch:

+ Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Chỉ tiêu đạt.

+ Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

Chỉ tiêu  $\geq 01$  công trình.

- Tiêu chí giao thông:

+ Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch và được bảo trì hàng năm.

Chỉ tiêu 100%

+ Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường. Chỉ tiêu do UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

+ Đường thủy nội địa do địa phương quản lý (nếu có) được lắp đặt hệ thống báo hiệu; các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa do địa phương quản lý (nếu có) đảm bảo các điều kiện an toàn và được cấp phép hoạt động

Chỉ tiêu do UBND cấp tỉnh quy định cụ thể

*Xem chi tiết tại Quyết định 211/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.*

## **8. Trình tự miễn nhiệm thẻ giám định viên tư pháp lĩnh vực lao động, người có công và xã hội**

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội ban hành Thông tư 18/2023/TT-BLĐTBXH quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Theo đó, các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Giám định tư pháp 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Cụ thể:

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp 2012;
- Thuộc một trong các trường hợp không được bổ nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp 2012;
- Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;
- Thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 6 Luật Giám định tư pháp 2012;
- Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;
- Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;
- Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.

Trình tự miễn nhiệm thẻ giám định viên tư pháp lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

- Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ rà soát, lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Pháp chế.
- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.
- Căn cứ quyết định miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Vụ Pháp chế điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Xem chi tiết tại Thông tư 18/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.*

### **9. Thủ tướng yêu cầu tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay**

Thủ tướng yêu cầu tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay là nội dung được đề cập tại Công điện 18/CĐ-TTg ngày 05/3/2024 về điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024. Theo đó, để tiếp tục nâng cao hiệu quả điều hành các công cụ chính sách tiền tệ và quyết liệt thực hiện các giải pháp về điều hành lãi suất, tín dụng nhằm hỗ

tạo cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, yêu cầu các tổ chức tín dụng thực hiện:

- Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay (tiết giảm chi phí; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số...); công bố công khai lãi suất cho vay bình quân để người dân, doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận tín dụng, lựa chọn ngân hàng để vay vốn.

Đẩy mạnh triển khai hiệu quả các gói tín dụng ưu đãi phù hợp với đặc thù của từng tổ chức tín dụng đối với các lĩnh vực quan trọng, các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của các tổ chức tín dụng kinh doanh hiệu quả và các tổ chức tín dụng nhà nước; tăng cường trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh của các tổ chức tín dụng trong việc chia sẻ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục hướng nguồn vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng truyền thống như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu, chuyển đổi số, chống biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo... của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, hướng dẫn khách hàng, đối tượng thụ hưởng trong tiếp cận chính sách. Chú trọng truyền thông rõ ràng, đầy đủ, minh bạch, chính xác về các chính sách, sản phẩm, dịch vụ tín dụng, ngoại hối của tổ chức tín dụng đến công chúng.

*Xem thêm Công điện 18/CD-TTg ngày 05/3/2024.*

### **10. Thủ tướng ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai 2024**

Ngày 05/3/2024, Thủ tướng ban hành Quyết định 222/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai 2024. Để triển khai thi hành Luật Đất đai 2024 kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai 2024 với 05 nội dung thực hiện chính, trong đó có việc đề cập đến xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai 2024 như sau:

- Văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai 2024 thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng bao gồm:

- + Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành 06 Nghị định; ban hành theo thẩm quyền 04 thông tư để quy định chi tiết Luật Đất đai 2024.

- + Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định, ban hành theo thẩm quyền 01 thông tư để quy định chi tiết Luật Đất đai 2024.

- + Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định để quy định chi tiết Luật Đất đai 2024; cập nhật bổ sung vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ

sung Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp 2017 nội dung được giao tại Điều 248 Luật Đất đai 2024.

+ Giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định để quy định chi tiết Luật Đất đai 2024.

+ Giao Bộ Nội vụ ban hành 01 thông tư để quy định chi tiết Luật Đất đai 2024.

(Danh mục văn bản quy định chi tiết, thời gian hoàn thành theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

- Xây dựng nội dung quy định chi tiết do Luật Đất đai 2024 giao chính quyền địa phương quy định chi tiết: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Đất đai 2024.

- Thời gian thực hiện

+ Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng theo trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền trong tháng 5/2024.

+ Đối với dự thảo Nghị định quy định lần biên theo nhiệm vụ được giao tại Điều 190 Luật Đất đai 2024: Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành Nghị định theo trình tự rút gọn để đảm bảo có hiệu lực từ ngày 01/4/2024.

*Xem thêm tại Quyết định 222/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 05/3/2024.*

### **11. Khẩn trương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về đường bộ cao tốc trong tháng 3/2024**

Khẩn trương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về đường bộ cao tốc trong tháng 3/2024 là nội dung tại Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 05/3/2024 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2024. Theo đó, Chính phủ yêu cầu Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

- Khẩn trương chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc trong tháng 3 năm 2024.

Nghiên cứu phương án đầu tư, nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc đã được đầu tư phân kỳ đạt quy mô cao tốc hoàn chỉnh, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu vận tải theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện 16/CD-TTg ngày 21/02/2024.

Tập trung thực hiện ngay các giải pháp tổ chức giao thông hợp lý, khoa học, hiệu quả và kiểm soát tốt nhất các hoạt động giao thông để bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường bộ cao tốc quy mô phân kỳ, bảo đảm tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân.

Phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, đầu tư hoàn thiện các tuyến đường gom, nút giao kết nối để phát huy tối đa hiệu quả các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác.

- Đôn đốc các địa phương liên quan khẩn trương thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại điểm d khoản 2 Chỉ thị 06/CT-TTg ngày 15/02/2024 để

tháo gỡ vướng mắc đối với dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Cà Mau thuộc Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài ra, Chính phủ còn yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì tham mưu Chính phủ ban hành và triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Phối hợp với các cơ quan, địa phương tập trung thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, nhất là đối với các đối tượng chính sách; phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng; chủ động các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu lao động, đáp ứng yêu cầu của thị trường, doanh nghiệp, người sử dụng lao động và bảo đảm việc làm cho người lao động; nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 05/3/2024.*

## **12. Nội dung chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp từ 15/5/2024**

Ngày 01/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 26/2024/NĐ-CP quy định quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

- Cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác có trách nhiệm chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo một trong các hình thức sau đây:

+ Đăng tải thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cổng/trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức mình.

+ In ấn, phát hành các ấn phẩm về kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

- Nội dung chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp:

+ Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có nội dung về hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

+ Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án có nội dung hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có).

+ Nội dung hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp thuộc chương trình, dự án, phi dự án khi kết thúc chương trình, dự án, phi dự án; kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp khi kết thúc hoạt động mà không thuộc chương trình, dự án, phi dự án.

- Việc chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các cam kết tại thỏa thuận quốc tế, văn kiện chương trình, dự án, phi dự án ký kết giữa các cơ quan, tổ chức Việt Nam và các nhà tài trợ, đối tác nước ngoài.

- Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý và cập nhật thông tin, kết quả hợp tác từ các báo cáo tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp hằng năm của các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 9 Nghị định 26/2024/NĐ-CP, thông tin được chia sẻ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 26/2024/NĐ-

CP vào cơ sở dữ liệu hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, chia sẻ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

*Xem chi tiết tại Nghị định 26/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/5/2024.*

### **13. Danh mục vị trí công tác thuộc lĩnh vực y tế phải thực hiện định kỳ chuyển đổi từ 15/4/2024**

Ngày 01/3/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư 01/2024/TT-BYT quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị thuộc Bộ Y tế và thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực y tế tại địa phương. Tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trình cấp có thẩm quyền quyết định: cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn, thay đổi, bổ sung, công bố các loại giấy phép, giấy đăng ký, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, chứng chỉ, số phiếu tiếp nhận hồ sơ; ban hành danh mục, chương trình, tài liệu thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế, đơn cử như:

An toàn thực phẩm, dinh dưỡng

- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm chưa có trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định;

- Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi;

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

- Giấy chứng nhận y tế và các giấy chứng nhận khác đối với các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng hoặc không đúng đối tượng sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo quy định của pháp luật.

*Xem thêm tại Thông tư 01/2024/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 15/4/2024.*

### **14. Từ ngày 01/01/2025, tiến hành tổng kiểm kê tài sản công trên cả nước**

Ngày 01/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 213/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

\* Mục tiêu cụ thể của Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý:

+ Đến ngày 31/12/2024, hoàn thành công tác chuẩn bị phục vụ tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

+ Đến ngày 31/03/2025, hoàn thành việc tổng kiểm kê.

+ 0h ngày 01/01/2025: chốt số liệu kiểm kê

+ Đến ngày 01/07/2025, hoàn thành việc tổng hợp kết quả kiểm kê, xây dựng báo cáo tổng hợp về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên phạm vi cả nước.

\* Phạm vi tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý:

Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên phạm vi cả nước, gồm:

- Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BTC (trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước), gồm:

+ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

+ Xe ô tô;

+ Tài sản cố định đặc thù;

+ Tài sản cố định khác.

- Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (không bao gồm tài sản do Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nguyên vật liệu,... để đầu tư xây dựng), gồm:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông: đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao ở cơ sở (cấp xã, cấp thôn), làng văn hóa.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

*Xem thêm tại Quyết định 213/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.*

**15. Phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết 106/2023/QH15**

Ngày 02/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 216/QĐ-TTg về phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết 106/2023/QH15 thí điểm chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Theo đó, phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết 106/2023/QH15 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ như sau:

- Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Phụ lục I kèm theo Quyết định 216/QĐ-TTg được làm cơ quan chủ quản, được sử dụng ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đối với các dự án tại Phụ lục II Nghị quyết 106/2023/QH15 của Quốc hội.

- Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Phụ lục II kèm theo Quyết định 216/QĐ-TTg được làm cơ quan chủ quản, được sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác thực hiện hoạt động đầu tư công đối với các dự án tại Phụ lục III Nghị quyết 106/2023/QH15 của Quốc hội.

Tổ chức thực hiện

(i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, được giao làm cơ quan chủ quản:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao theo quy định tại Nghị quyết 106/2023/QH15, Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 27/01/2024 các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu của Hồ sơ đề xuất Thủ tướng Chính phủ phân cấp hoặc giao làm cơ quan chủ quản đầu tư các dự án.

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư trước ngày 30/6/2025 đối với các dự án chưa đủ thủ tục đầu tư.

(ii) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát hồ sơ của các địa phương được phân cấp, giao cơ quan chủ quản đối với các dự án tại Phụ lục I và Phụ lục II của Quyết định 216/QĐ-TTg năm 2024.

- Hỗ trợ Ủy ban nhân dân các địa phương được giao cơ quan chủ quản triển khai các dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định 216/QĐ-TTg năm 2024 và kịp thời tổng hợp, đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện.

(iii) Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan chủ động hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai dự án theo đúng tiến độ đã đề ra, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, an toàn, không để xảy ra lãng phí, tiêu cực gây thất thoát tài sản và tiền vốn của Nhà nước.

*Quyết định 216/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 02/3/2024.*

## **16. Bổ sung quy định về tạm sử dụng rừng từ ngày 06/3/2024**

Ngày 06/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 27/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp 2017.

Tạm sử dụng rừng là việc sử dụng rừng để thực hiện thi công công trình tạm phục vụ thi công dự án lưới điện để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về xây dựng, điện lực và các pháp luật khác có liên quan nhưng không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích tạm sử dụng rừng.

Điều kiện phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng từ ngày 06/3/2024

Theo đó, việc phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án lưới điện để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư.

- Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác (đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng).

- Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng có tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

- Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác.

- Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng trong phạm vi diện tích được tạm sử dụng (không chặt hạ cây rừng có đường kính từ 20 cm trở lên ở vị trí từ mặt đất đến vị trí 1,3m của thân cây).

- Diện tích tạm sử dụng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng. Nội dung tác động vào rừng, trồng lại rừng, phục hồi rừng phải được thể hiện đầy đủ, chi tiết trong Phương án tạm sử dụng rừng.

- Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không quá thời gian thực hiện dự án.

- Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm;

- Không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật;

- Không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật;

- Không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

- Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian tạm sử dụng rừng kết thúc

trong Phương án tạm sử dụng rừng được phê duyệt; bảo đảm diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

*Xem chi tiết tại Nghị định 27/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 06/3/2024.*

## **17. Chính phủ thống nhất sửa đổi toàn diện Luật Hàng không dân dụng Việt Nam**

Ngày 29/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 26/NQ-CP phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2024. Cụ thể, Chính phủ thống nhất về sự cần thiết sửa đổi toàn diện Luật Hàng không dân dụng Việt Nam nhằm:

- Thể chế hóa các đường lối, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, phù hợp với các Điều ước quốc tế, quy định, khuyến cáo mới của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành Luật Hàng không dân dụng về: an toàn hàng không; an ninh hàng không;

- Đầu tư, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Vận chuyển hàng không và công tác quản lý nhà nước về hàng không...

Yêu cầu đối với Đề nghị xây dựng Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi)

Chính phủ yêu cầu Bộ Giao thông vận tải tiếp tục hoàn thiện Đề nghị xây dựng Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi) bảo đảm các yêu cầu sau:

- Tiếp tục tổng kết kỹ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hiện hành, xác định rõ những khó khăn, vướng mắc từ quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành, đề xuất các chính sách nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc, phát triển ngành hàng không Việt Nam hiện đại, góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước;

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách và giải pháp thực hiện để tạo thuận lợi thu hút các nguồn lực đầu tư, xây dựng cảng hàng không, sân bay và phát triển ngành công nghiệp hàng không đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; quyền sở hữu, quản lý, vận hành, khai thác công trình, dự án; quản lý, sử dụng hiệu quả, phát huy tính lưỡng dụng của sân bay; định giá tài sản kết cấu hạ tầng cảng hàng không; cơ chế sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc sở hữu Nhà nước để phát triển dự án kết cấu hạ tầng cảng hàng không; làm rõ cơ chế đầu tư, xây dựng, sở hữu của doanh nghiệp cảng hàng không, quản lý đất đai, tài sản kết cấu hạ tầng cảng hàng không, đồng bộ với pháp luật có liên quan; hoàn thiện các giải pháp chính sách nhằm nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng và dịch vụ hàng không, bảo đảm quyền lợi nhà đầu tư, người khai thác, hãng bay và khách hàng; phát triển ngành hàng không cạnh tranh lành mạnh, bền vững và hiệu quả;

- Làm rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, nhà chức trách, cảng vụ, người khai thác cảng và các chủ thể liên quan đến an ninh, an toàn hàng không; các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành hàng không, tác động đến hoạt động vận tải hàng không dân dụng, hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn hàng không dân dụng hiện hành; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, tiếp thu, vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, nội luật hóa hợp lý các điều ước quốc tế về hàng không mà Việt Nam là thành viên; tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động để hoàn thiện các chính sách, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn; đẩy mạnh truyền thông chính sách để tạo sự đồng thuận.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 29/02/2024.*

### **18. Mục tiêu phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Ngày 01/3/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 215/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có mục tiêu cụ thể như sau:

- Đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng trong nước, phục vụ cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030, trong đó năng lượng sơ cấp đến năm 2030 đạt khoảng 150 - 170 triệu tấn dầu quy đổi (TOE), đến năm 2045 đạt khoảng 260 - 280 triệu TOE.

- Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng sơ cấp 15 - 20% năm 2030 và 65 - 70% năm 2045.

- Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đến năm 2030 đạt mức 105 - 115 triệu TOE, năm 2045 đạt mức 160 - 180 triệu TOE. Cường độ năng lượng sơ cấp năm 2030 đạt từ 400 - 420 kgOE/1.000 USD GDP, năm 2045 từ 250 - 280 kgOE/1.000 USD GDP.

- Xây dựng hệ thống điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối an toàn với lưới điện khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc top 4 nước dẫn đầu ASEAN, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN.

- Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu xăng dầu cả nước; phân đầu mức dự trữ xăng dầu đạt 75 - 80 ngày nhập ròng sau năm 2030. Đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) khoảng 15 - 20 tỷ m<sup>3</sup> vào năm 2030 và khoảng 10 - 15 tỷ m<sup>3</sup> vào năm 2045.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7 - 10% vào năm 2030 và khoảng 14 - 20% vào năm 2045.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15 - 35% vào năm 2030, lên mức 70 - 80% vào năm 2045.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

- + Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia;
- + Hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- + Các phân ngành năng lượng phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

+ Hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại, khả năng kết nối khu vực và quốc tế được nâng cao;

+ Chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ tiên tiến của một nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Để thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thì Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng phù hợp với thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.

- Giám sát chặt chẽ tình hình cân đối cung cầu năng lượng, tiến độ thực hiện các chương trình, dự án năng lượng trọng điểm.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo.

- Tổ chức đàm phán ký kết hợp tác, trao đổi năng lượng với các nước láng giềng và tham gia của Việt Nam vào hệ thống năng lượng liên kết giữa các nước trong khu vực.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích, tăng cường thu hút nguồn lực từ các nhà đầu tư nước ngoài uy tín, kinh nghiệm vào phát triển dầu khí trong nước tại các khu vực nước sâu xa bờ.

- Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các điều kiện cần thiết (pháp lý, hạ tầng kỹ thuật, ...) cho việc phát triển thị trường điện và thị trường khí, than cạnh tranh hiệu quả.

- Chỉ đạo nghiên cứu, chế tạo trong nước thiết bị của các dự án nhà máy nhiệt điện than, thủy điện, điện mặt trời, điện gió, ... các thiết bị khai thác và vận chuyển dầu mỏ, khí đốt và than.

- Chủ trì nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thúc đẩy tiến độ cho các dự án năng lượng. Xem thêm tại Quyết định 215/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.

### **19. Hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng Huy chương Thanh niên xung phong về vang từ 20/4/2024**

Ngày 06/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2024/NĐ-CP hướng dẫn trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến. Theo đó, hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng Huy chương Thanh niên xung phong về vang bao gồm:

#### **(1) Hồ sơ đề nghị của Thanh niên xung phong**

- Bản khai đề nghị xét tặng Huy chương Thanh niên xung phong về vang” theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 28/2024/NĐ-CP.

Trường hợp Thanh niên xung phong già, yếu hoặc đã hy sinh, tử trận thì do đại diện thân nhân đứng tên lập bản khai theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 28/2024/NĐ-CP.

- Một trong các giấy tờ sau đây đảm bảo tính pháp lý chứng minh là Thanh niên xung phong:

+ Thẻ đội viên Thanh niên xung phong; Quyết định, lý lịch, trong đó ghi rõ là Thanh niên xung phong và phiên hiệu đơn vị Thanh niên xung phong; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi Thanh niên xung phong trở về địa phương như:

Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý Thanh niên xung phong; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng Thanh niên xung phong; Giấy chứng nhận tham gia Thanh niên xung phong; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. Thông tin cần thể hiện rõ thời gian đi Thanh niên xung phong.

+ Giấy chứng nhận Thanh niên xung phong của Hội (Ban Liên lạc) Cựu Thanh niên xung phong cấp tỉnh xác nhận thời gian đi và thời gian hoàn thành nhiệm vụ trở về của Thanh niên xung phong.

+ Văn bản xác nhận phiên hiệu đơn vị Thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành kèm theo tài liệu chứng minh cá nhân đi Thanh niên xung phong tại phiên hiệu đơn vị đó hoặc Quyết định hưởng trợ cấp, hưởng chính sách đối với Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc của cơ quan có thẩm quyền ban hành kèm theo danh sách Thanh niên xung phong.

+ Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên có thể hiện thời gian tham gia Thanh niên xung phong khai trước ngày Quyết định 104/1999/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; riêng đối với Thanh niên xung phong cơ sở miền Nam, lý lịch khai trước năm 1995. Lý lịch đảng viên được sao y bản chính và có xác nhận của cấp ủy đảng nơi đảng viên sinh hoạt.

- Đối với trường hợp được công nhận là liệt sĩ thì hồ sơ đề nghị gồm Bản khai Thanh niên xung phong hy sinh khi làm nhiệm vụ đã được công nhận là Liệt sĩ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 28/2024/NĐ-CP và bản sao y Bằng công nhận Liệt sĩ hoặc Bằng Tổ quốc ghi công hoặc các giấy tờ xác nhận là liệt sĩ của cấp có thẩm quyền.

(2) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (01 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng)

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang.

- Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh (thành phần họp có mời thêm đại diện Hội (Ban Liên lạc) Cựu Thanh niên xung phong cùng cấp).

- Hồ sơ đề nghị của Thanh niên xung phong.

Lưu ý:

- Trường hợp hồ sơ Thanh niên xung phong không hợp lệ, cần bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn Thanh niên xung phong hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ theo quy định trong thời hạn 05 ngày.

- Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan các cấp thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ đề nghị khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng Huy chương Thanh niên xung phong tổ chức xác minh đối với những trường hợp có thành tích chưa rõ ràng, có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có nghi ngờ hợp lý về việc hồ sơ đề nghị khen thưởng bị làm giả.

*Xem chi tiết tại Nghị định 28/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20/4/2024.*

## **20. Ban hành cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025**

Ngày 08/3/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 764/QĐ-BGDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025. Theo đó, kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025, cấu trúc đề thi sẽ được quy định như sau:

- Hình thức tự luận:

+ Môn thi: Ngữ văn;

+ Thời gian thi: 120 phút.

+ Đề thi gồm: 02 phần (Đọc hiểu và Viết).

- Hình thức trắc nghiệm:

+ Môn toán có 22 câu hỏi được chia làm ba phần: phần 1 gồm 12 câu, phần 2 gồm 4 câu và phần 3 gồm 6 câu.

+ Môn vật lý, hóa học, sinh học và địa lý đều có 28 câu và cũng chia làm ba phần: phần 1 gồm 18 câu, phần 2 gồm 4 câu, phần 3 gồm 6 câu.

+ Môn lịch sử, giáo dục kinh tế - pháp luật và công nghệ có 28 câu chia làm 2 phần: phần 1 gồm 24 câu, phần 2 gồm 4 câu.

+ Môn tin học có 30 câu chia làm 2 phần: phần 1 gồm 24 câu, phần 2 gồm 6 câu. Trong số 6 câu của phần 2 có 2 câu dành cho mọi thí sinh, 2 câu dành cho thí sinh theo định hướng khoa học máy tính và 2 câu dành cho thí sinh theo định hướng tin học ứng dụng.

+ Môn ngoại ngữ gồm 40 câu đều thuộc hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Cách thức tính điểm trong thi kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025

Các bài thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 sẽ được áp dụng cách thức tính điểm như sau:

- Đối với bài thi tự luận:

+ Phần I - Đọc hiểu: 04 điểm.

+ Phần II - Viết: 06 điểm.

+ Tổng điểm tối đa toàn bài: 10 điểm.

- Đối với bài thi trắc nghiệm:

+ Phần I: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

+ Phần II:

(i) Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

(ii) Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

(iii) Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

(iv) Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

+ Phần III:

- (i) Môn Toán: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.
  - (ii) Các môn khác: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.
- + Tổng điểm tối đa toàn bài : 10 điểm

*Quyết định 764/QĐ-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 08/3/2024.*

## **21. Ban hành Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước**

Ngày 04/3/2024, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quyết định 477/QĐ-KTNN về Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Ban hành Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước

- Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước quy định về phạm vi, đối tượng, nội dung, trình tự, thủ tục kiểm soát chất lượng kiểm toán đối với các cuộc kiểm toán do Kiểm toán nhà nước (viết tắt là KTNN) thực hiện theo Quy trình kiểm toán của KTNN; trách nhiệm, quyền hạn của các cấp kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN và các đối tượng chịu sự kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN.

- Đối tượng áp dụng:

+ Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước áp dụng đối với các cấp kiểm soát chất lượng kiểm toán, các đối tượng chịu sự kiểm soát chất lượng kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN.

+ Trường hợp ký hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp thực hiện kiểm toán: Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán theo các điều khoản quy định tại hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán và theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán nhà nước (nếu có).

- Các hình thức kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN gồm:

+ Giám sát hoạt động kiểm toán đối với Đoàn kiểm toán: Là hoạt động kiểm tra, đánh giá hồ sơ kiểm toán gửi về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán (viết tắt là Vụ CD&KSCLKT) và đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán theo quy định và kiểm tra, soát xét các ghi chép của KTVNN trên nhật ký kiểm toán (viết tắt là NKKT) điện tử mà không trực tiếp làm việc với Đoàn kiểm toán.

+ Kiểm soát việc tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán trưởng: Là hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán trưởng theo các quy định về kiểm soát chất lượng kiểm toán, được Vụ CD&KSCLKT thực hiện theo chức trách, nhiệm vụ được Tổng Kiểm toán nhà nước giao.

+ Kiểm soát chất lượng kiểm toán trực tiếp đối với Đoàn kiểm toán: Là việc kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm toán của Đoàn kiểm toán trong các giai đoạn của cuộc kiểm toán theo Quy trình kiểm toán, được thực hiện đồng thời với hoạt động kiểm toán của Đoàn kiểm toán.

+ Kiểm soát chất lượng kiểm toán đột xuất: Là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán không thuộc kế hoạch kiểm soát chất lượng kiểm toán năm (viết tắt là kế hoạch kiểm soát năm), được thực hiện theo yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động kiểm toán của Tổng Kiểm toán nhà nước hoặc của Kiểm toán trưởng.

+ Kiểm soát hồ sơ sau khi phát hành báo cáo kiểm toán: Là hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của KTNN đối với hồ sơ kiểm toán và hồ sơ kiểm soát chất lượng kiểm toán theo các giai đoạn của cuộc kiểm toán đến khi báo cáo kiểm toán được phát hành.

*Xem chi tiết tại Quyết định 477/QĐ-KTNN có hiệu lực ngày 04/3/2024 và thay thế Quyết định 1694/QĐ-KTNN ngày 27/11/2020.*

## **22. Bộ Y tế hướng dẫn mới về nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng BHYT**

Ngày 01/3/2024, Bộ Y tế ban hành Công văn 917/BYT-BH hướng dẫn triển khai thi hành Nghị định 75/2023/NĐ-CP. Bộ Y tế hướng dẫn mới về nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng BHYT

Ngày 19/10/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 75/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế 2008.

Trong thời gian qua, Bộ Y tế nhận được công văn của một số Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phản ánh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định 75/2023/NĐ-CP. Để bảo đảm thực hiện thống nhất, Bộ Y tế có ý kiến như sau:

Về nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng BHYT như sau:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định 75/2023/NĐ-CP thì người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng, trong đó:

- Trường hợp người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhưng đã đổi tên, sáp nhập với các xã khu vực I giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 vẫn được xác định là xã khu vực I theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì không thuộc nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng.

- Trường hợp người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 nhưng sang giai đoạn 2021 - 2025 sáp nhập với các xã khu vực I thì tiếp tục thuộc nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng.

- Trường hợp người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 và sang giai đoạn 2021 - 2025 vẫn được xác định là xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn nhưng được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, được xác định là xã nông thôn mới thì không thuộc nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng.

*Xem thêm tại Công văn 917/BYT-BH ngày 01/3/2024.*

### **III. Bãi bỏ 16 Quyết định của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về công tác thanh tra chuyên ngành**

Ngày 27/02/2024, Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quyết định 225/QĐ-BHXH về việc bãi bỏ một số quy định của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam liên quan đến công tác thanh tra chuyên ngành của Ngành BHXH Việt Nam. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 16 Quyết định của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về công tác thanh tra chuyên ngành sau đây:

(1) Quyết định 408/QĐ-BHXH ngày 01/3/2017 về việc phê duyệt Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(2) Quyết định 1818/QĐ-BHXH ngày 13/10/2017 về việc phê duyệt bổ sung cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về BHXH, BHTN, BHYT và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(3) Quyết định 480/QĐ-BHXH ngày 18/4/2018 về việc phê duyệt bổ sung Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(4) Quyết định 1100/QĐ-BHXH ngày 14/9/2018 về việc phê duyệt bổ sung Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT và cấp thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(5) Quyết định 917/QĐ-BHXH ngày 16/7/2019 về việc phê duyệt bổ sung Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(6) Quyết định 189/QĐ-BHXH ngày 13/02/2020 về việc phê duyệt bổ sung Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(7) Quyết định 2481/QĐ-BHXH ngày 30/12/2020 về việc phê duyệt Danh sách cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT và cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành BHXH.

(8) Quyết định 1683/QĐ-BHXH ngày 15/12/2021 về việc phê duyệt người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(9) Quyết định 1073/QĐ-BHXH ngày 08/4/2022 về việc phê duyệt người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(10) Quyết định 2296/QĐ-BHXH ngày 13/9/2022 về việc phê duyệt người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(11) Quyết định 3753/QĐ-BHXH ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(12) Quyết định 543/QĐ-BHXH ngày 04/4/2023 về việc phê duyệt danh sách và điều chỉnh thông tin người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(13) Quyết định 1416/QĐ-BHXH ngày 12/7/2023 về việc thí điểm bổ sung người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN,

BHYT đối với Giám đốc BHXH một số quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(14) Quyết định 1418/QĐ-BHXH ngày 12/7/2023 về việc phê duyệt người đủ điều kiện được thí điểm bổ sung giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(15) Quyết định 1298/QĐ-BHXH ngày 08/9/2023 về việc phê duyệt danh sách người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT.

(16) Quyết định 1383/QĐ-BHXH ngày 29/9/2023 về việc tiếp tục thí điểm bổ sung người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT đối với Giám đốc bảo hiểm xã hội một số quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*Quyết định 225/QĐ-BHXH có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.*

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Công Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hmg)

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Văn Phiên**